

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 109/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25-9-2023.

V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lý Công Nguyên;

Bà Lê Thị Đông Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Đức Duy, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hưng- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 266/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Kim T, sinh năm 1985; cư trú tại: thôn L, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm C, sinh năm 1978; cư trú tại: thôn L, xã A, thành phố T, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn xin ly hôn ngày 05/6/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Vũ Thị Kim T trình bày: chị và anh Phạm C tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì đến khoảng năm 2009 phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2020 mâu thuẫn càng trầm trọng hơn; nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, anh C thay đổi tính tình, thường xuyên uống rượu về gây chuyện chửi mắng và xúc phạm chị. Nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, tình trạng

hôn nhân đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có hai con chung là Phạm Vũ Trà M, sinh năm 2004 và Phạm Vũ Hoàng D, sinh ngày 10/7/2007. Ly hôn, cháu M đã trưởng thành chị không yêu cầu giải quyết; chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu D, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm C đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai.

Do vắng mặt bị đơn nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt là không thực hiện đúng quy định của pháp luật nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn được ly hôn với bị đơn. Về con chung: giao con chung Phạm Vũ Hoàng D cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng; bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Vũ Thị Kim T và bị đơn anh Phạm C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, nguyên đơn và bị đơn sống hạnh phúc một thời gian thì đến năm 2009 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp; theo nguyên đơn trình bày thì đến khoảng năm 2020, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng hơn; nay nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn. Xét thấy, mặc dù nguyên đơn và bị đơn còn sống chung nhưng không còn yêu thương, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn là không thực hiện đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng dẫn đến

hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có hai con chung là Phạm Vũ Trà M, sinh năm 2004 và Phạm Vũ Hoàng D, sinh ngày 10/7/2007. Ly hôn, cháu M đã trưởng thành, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu D là phù hợp với nguyện vọng của con và đúng quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao con Phạm Vũ Hoàng D cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí:

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Vũ Thị Kim T được ly hôn với anh Phạm C.

2. Về nuôi con chung: Con Phạm Vũ Trà M đã trưởng thành, nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Giao con Phạm Vũ Hoàng D, sinh ngày 10/7/2007 cho nguyên đơn chị Vũ Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng; bị đơn anh Phạm C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Vũ Thị Kim T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai số 0009820 ngày 29/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- UBND xã A, H. T;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hoà
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Khánh Thoa